

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ QUY NHƠN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 406/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28-5-2021

V/v ly hôn giữa chị S và anh L.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Thị Kim Anh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Cao Thị Chính

Ông Nguyễn Đình Thọ

***-Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Đức Phong là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Ngọc Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 78/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 84/2021/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Bích S, sinh năm 1992; Địa chỉ: Số A/B đường Bạch Đằng, P. Trần Hưng Đạo, TP. Quy Nhơn; Tạm trú: tổ A, khu phố B, phường NP, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trương Thành L, sinh năm 1993; Địa chỉ cư trú tại: Số A, đường TVK (tổ A, khu phố B, phường QT), thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 31-01-2021 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trần Thị Bích S trình bày:* Chị và anh Trương Thành L kết hôn vào ngày 23/4/2014, đăng ký kết hôn tại UBND phường THĐ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định theo giấy chứng nhận kết hôn số 19, trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Trong thời gian chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc bình thường, đến cuối năm 2016 vợ chồng chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất

đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, anh L chơi bời, sống thiếu trách nhiệm với vợ con nên dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên cãi nhau, có lần anh L đã đánh chị. Đến tháng 11/2020 mâu thuẫn giữa vợ chồng xảy ra trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, phần ai nấy sống, không còn quan tâm chăm sóc gì đến nhau. Nay chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng chị đã rất trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trương Thành L để chị ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh L có hai con chung tên Trương A, sinh ngày 16-7-2014 và Trương K, sinh ngày 10-7-2017, hiện sức khỏe các cháu vẫn bình thường và đang sống cùng với chị. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung sau khi ly hôn và không yêu cầu anh Long cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

*Bị đơn anh Trương Thành L:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng anh L vẫn cố tình vắng mặt không có lý do.

*Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:*

Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Bích S xin ly hôn anh Trương Thành L và giao hai con chung cho chị S được trực tiếp nuôi dưỡng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:*

[1] Về tố tụng: Anh Trương Thành L, là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng

hoặc trở ngại khách quan. Theo qui định tại Điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Trương Thành L.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu ly hôn của chị S, căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 19 ngày 23/4/2014 do UBND phường THĐ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định cấp đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Bích S và anh Trương Thành L là hôn nhân hợp pháp. Chị S yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L vì mâu thuẫn giữa chị và anh L đã trầm trọng không có khả năng hàn gắn, hiện vợ chồng chị đã sống ly thân, tình cảm không còn, không ai còn sự quan tâm, chăm sóc đến nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập họp lệ anh L đến Tòa để khai báo, hòa giải tạo điều kiện cho anh L hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh L cố tình vắng mặt. Điều này thể hiện anh L thực sự không muốn hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, không quan tâm đến việc chị S yêu cầu ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân giữa chị S và anh L không còn thương yêu, quý trọng, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống vợ chồng, do đó hôn nhân giữa chị S và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị S là có căn cứ, phù hợp theo qui định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình và cũng phù hợp với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nuôi con: Chị S và anh L có 02 con chung tên Trương A, sinh ngày 16-7-2014 và Trương K, sinh ngày 10-7-2017, hiện nay sức khỏe các cháu A và K vẫn bình thường và đang sống cùng với chị S, chị S yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung sau ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trương Thành L không có văn bản gửi cho Tòa án về việc nuôi dưỡng con chung; Hiện các cháu A và K đang sống chung cùng với chị S đã ổn định tâm lý, tình cảm, do đó yêu cầu nuôi hai con chung của chị S là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình và cũng phù hợp với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị S không yêu cầu anh L cấp dưỡng nên con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 buộc chị Trần Thị Bích S phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị Bích S được ly hôn với anh Trương Thành L.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao hai con chung tên Trương A, sinh ngày 16-7-2014 và Trương K, sinh ngày 10-7-2017 cho chị Trần Thị Bích S trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

*Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên đều có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.*

*Hai bên có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không bên nào được ngăn cản.*

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị Bích S phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003428 ngày 08/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự Tp. Quy Nhơn. Chị S đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Bích S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Trương Thành L vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND Tp. Quy Nhơn;
- UBND phường THĐ, TP. Quy Nhơn, T. Bình Định;  
(ĐKKH số 19/23.4.2014)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Đặng Thị Kim Anh**